

Số: 121/2020/QĐST-DS

CL, ngày 14 tháng 8 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 08 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 05 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:**

*Nguyên đơn:* - Ông Lê Văn T - sinh năm: 1943;

- Ông Lê Quang M - sinh năm: 1950;

- Bà Lê Thị H1 - sinh năm: 1962; cùng địa chỉ: ấp S, xã Đ, huyện CL, tỉnh BT.

- Bà Lê Thị H - sinh năm: 1959; địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện CL, tỉnh BT.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Đinh Văn N - sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện CL, tỉnh BT.

*Bị đơn:* - Ông Lê Văn H - sinh năm: 1948; địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện CL, tỉnh BT.

- Bà Lê Thị T - sinh năm: 1969; địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện CL, tỉnh BT.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê Văn N; địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện CL, tỉnh BT.

- Ông Lê Văn B - sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện CL, tỉnh BT (người cầm đũa).

*Người phiên dịch cho ông B:* Ông Nguyễn Văn T - Giáo viên Trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các ông, bà: Lê Văn T, Lê Quang M, Lê Thị H, Lê Thị H1, Lê Văn H, Lê Thị T thống nhất cùng đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất di sản do bà Lê Thị Hoàng T để lại có diện tích là 2305,1m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 209, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp Sơn Long, xã Sơn Định, huyện CL, tỉnh BT có tứ cận:

Đông giáp đường công cộng;

Tây giáp thửa đất số 180 của ông Lê Văn L;

Nam giáp thửa đất số 212 của ông Lê Văn N;

Bắc giáp thửa đất số 192 của ông Lê Văn N1. Có họa đồ kèm theo.

Đối với căn nhà trên phần đất có kết cấu:

Nhà chính kết cấu khung bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic 300x300mm, mái lợp tôn tráng kẽm, tôn fibro xi măng, không trần, chiều dài 4,65m, rộng 9,15m và dài 7,5m, rộng 11,3m. Tổng diện tích 127,29m<sup>2</sup>.

Nhà phụ 1 kết cấu khung bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch tàu, mái lợp tôn fibro xi măng, không trần, chiều dài 3,2m, rộng 11,3m, diện tích 36,16m<sup>2</sup>.

Nhà phụ 2 kết cấu khung cột gạch, vách xây gạch, nền xi măng, mái lợp tôn fibro xi măng, chiều dài 4m, rộng 11,3m và dài 3,6m, rộng 3,55m, tổng diện tích 57,98m<sup>2</sup>.

Mái che cột sắt, nền lát xi măng, không vách, mái lợp tôn tráng kẽm, chiều dài 3m, rộng 1,7m, diện tích 5,95m<sup>2</sup>.

Các ông bà: Lê Văn T, Lê Quang M, Lê Thị H, Lê Thị H1, Lê Văn H, Lê Thị T thống nhất cùng đứng tên sở hữu chung do đây là di sản của cha mẹ các ông bà là ông Lê Văn T1 và bà Đào Thị N để lại.

Các ông bà: Lê Văn T, Lê Quang M, Lê Thị H, Lê Thị H1, Lê Văn H, Lê Thị T có quyền đồng sở hữu đôi với quyền sử dụng phần đất + nhà nêu trên.

Các ông bà: Lê Văn T, Lê Quang M, Lê Thị H, Lê Thị H1, Lê Văn H, Lê Thị T có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan chức năng để đăng ký cấp quyền sử dụng đất.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của các nguyên đơn: Lê Văn T, Lê Quang M, Lê Thị H, Lê Thị H1 về việc yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền 289.706.800 đồng là tiền tử tuất, bảo hiểm xã hội của bà Lê Thị Hoàng T do các đương sự đã tự thỏa thuận phân chia xong.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản là 5.000.000 đồng các ông bà: Lê Văn T, Lê Quang M, Lê Thị H, Lê Thị H1, Lê Văn H, Lê Thị T tự nguyện nộp và đã nộp đủ.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.216.100 đồng.

Các ông bà: Lê Văn T, Lê Quang M, Lê Thị H, Lê Thị H1, Lê Văn H, Lê Thị T mỗi người đồng ý nộp 3.702.683 đồng. Tuy nhiên, ông Lê Văn T, ông Lê Quang M, bà Lê Thị H, ông Lê Văn H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Bà Lê Thị H1 tự nguyện chịu 3.702.683 đồng tiền án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.335.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0011147 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL. Như vậy, bà Lê Thị H1 còn phải nộp tiếp số tiền 1.367.683 đồng.

Bà Lê Thị T tự nguyện chịu 3.702.683 đồng tiền án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA + VP.

**THẨM PHÁN**

**LÊ THỊ THÚY HẰNG**